

Bản án số: 97 / 2020 /HC-PT
Ngày: 29 - 6 - 2020
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long
Các Thẩm phán: Ông Lê Tự
Ông Phạm Tồn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 145/2020/TLPT-HC ngày 03 tháng 3 năm 2020 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC- ST ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1050/2020/QĐPT-HC ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị H.

Địa chỉ: Hoa Kỳ. Địa chỉ tạm trú: 10/4 P, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên;

Người đại diện theo ủy quyền có ông Nguyễn Lương S, Phó Chủ tịch UBND thành phố T; vắng mặt lần thứ 2, có văn bản không tham gia phiên tòa; (văn bản ủy quyền số 2325/UBND ngày 13/5/2020).

2.2. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền có ông Nguyễn Lương S, Phó Chủ tịch UBND thành phố T; vắng mặt lần thứ 2, có văn bản không tham gia phiên tòa (văn bản ủy quyền số 197/UBND ngày 13/01/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có ông Hà Vũ M, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên; người đại diện theo pháp luật có ông Nguyễn Thanh B, Chủ tịch UBND phường 1; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bà Trần Thị H, là người khởi kiện, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2019 và quá trình tố tụng, bà Trần Thị H khởi kiện nội dung như sau:

Người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc số 4009/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T và yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T chấm dứt việc tổ chức kiểm đếm bắt buộc vì chưa công nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ 10/4 P, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2016/DSPT ngày 21/3/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Đồng thời, yêu cầu hủy Quyết định về việc kiểm đếm bắt buộc số 3693/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thông báo thu hồi đất số 823/TB-UBND ngày 10/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thông báo số 2077/TB-UBND ngày 30/8/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T về điều chỉnh nội dung một phần căn cứ pháp lý của Thông báo số 823/TB-UBND ngày 10/4/2018 của UBND thành phố T. Với lý do, theo bản án số 34/2016/DSPT ngày 21/3/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì Ủy ban nhân dân thành phố T phải thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu đối với tài sản tại 10/4 P, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên để công nhận quyền sở hữu nhà cho Bà, nhưng lại ban hành Thông báo thu hồi đất và thực hiện kiểm đếm tài sản chưa được cơ quan hành chính nhà nước công nhận.

Do đó, Quyết định số 3693/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND thành phố T về việc kiểm đếm bắt buộc là hoàn toàn trái pháp luật vì quyết định này được ban hành dựa trên Thông báo thu hồi đất 823/TB-UBND mà thông báo này

không đảm bảo quy định pháp luật, nên Quyết định số 3693 cũng không có giá trị pháp lý và không có hiệu lực thi hành.

Bà H yêu cầu hủy các quyết định hành chính nêu trên và yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T chấm dứt việc tổ chức kiểm đếm bắt buộc.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố T và Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:

Ngày 09/6/2017, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2440/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Đường B giai đoạn 2.

Căn cứ Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng năm 2018 thành phố T;

Ngày 09/4/2018, UBND thành phố T ban hành Kế hoạch số 83/KH-UBND về việc thu hồi đất điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Dự án đường B giai đoạn 2;

Ngày 10/4/2018, UBND thành phố T ban hành Thông báo số 823/TB-UBND về việc ban hành Thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án Đường B giai đoạn 2. Tuy nhiên, nhằm phù hợp với địa chỉ của người sử dụng có đất bị thu hồi theo thực tế, ngày 08/5/2019 UBND thành phố T đã ban hành Thông báo số 835/TB-UBND về việc điều chỉnh nội dung khoản 1 Thông báo số 823/TB-UBND ngày 10/4/2018 của UBND thành phố T.

Vào các ngày 24 và 26/4/2018 và 03/5/2018, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố phối hợp với UBND phường 1 tổ chức Hội nghị công bố Kế hoạch thông báo thu hồi đất cho các hộ dân trúng giải tỏa trên địa bàn Phường 1 biết, trong đó có mời hộ bà Trần Thị H nhưng bà H vắng mặt.

Ngày 09/5/2018, UBND phường 1 cùng các Hội đoàn thể phường 1 đến tại nhà bà Trần Thị H vận động, giải thích để bà H nhận Thông báo thu hồi đất, đồng thời cho Tổ kiểm kê thực hiện kiểm đếm, đo đạc đất, tài sản có trên đất nhưng bà H vắng mặt.

Ngày 02/7/2018, UBND phường 1 phối hợp với Trung tâm Phát triển Quỹ đất mời bà Trần Thị H đến tại UBND phường 1 để vận động bà nhận Thông báo thu hồi đất đồng thời cho Tổ kiểm kê thực hiện kiểm đếm, đo đạc đất, tài sản có trên đất. Bà H có đến nhưng không phối hợp làm việc và không ký vào biên bản.

Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 3693/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 về việc kiểm đếm bắt buộc đối với hộ bà Trần Thị H trúng giải tỏa dự án đường B giai đoạn 2 và Quyết định số 4009/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc (được điều chỉnh bởi

các Quyết định: số 4931/QĐ-UBND ngày 01/11/2018, số 5491/QĐ-UBND ngày 06/12/2018, số 5998/QĐ-UBND ngày 28/12/2018, số 2980/QĐ-UBND ngày 18/6/2019) là đúng theo quy định pháp luật.

Đối với việc bà Trần Thị H yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T chấm dứt tổ chức kiểm đếm bắt buộc: UBND phường 1 và các Đoàn thể đã tổ chức họp thông báo cho các hộ dân và vận động, thuyết phục các hộ dân khác chấp hành; riêng bà H không chấp hành, nên Ủy ban nhân dân thành phố T phải tổ chức kiểm đếm bắt buộc đúng thủ tục quy định tại Điều 69 của Luật đất đai. Do đó không chấp nhận các yêu cầu của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố T trình bày:

Quá trình thực hiện thủ tục thu hồi đất của bà Trần Thị H thì việc giao các văn bản đã được tổng đạt và thực hiện việc niêm yết công khai theo đúng quy định pháp luật và tổ chức vận động, thuyết phục nhiều lần nhưng bà H vẫn không phối hợp.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2020/HC- ST ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Áp dụng Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 69, 70 Luật Đất đai 2013; Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4009/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc; hành vi hành chính của ủy ban nhân dân thành phố T tổ chức kiểm đếm bắt buộc khi chưa công nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ 10/4 P, phường 1, T, Phú Yên theo Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2016/DSPT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ngày 21/3/2016; yêu cầu hủy Quyết định số 3693/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố T về việc kiểm đếm bắt buộc; yêu cầu hủy Thông báo số 823/TB-UBND ngày 10/4/2018 của ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đường B giai đoạn 2; yêu cầu hủy Thông báo số 2077/TB-UBND ngày 30/8/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T về điều chỉnh nội dung một phần căn cứ pháp lý của Thông báo số 823/TB-UBND ngày 10/4/2018 của UBND thành phố T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16 – 01 – 2020 người khởi kiện bà Trần Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính; về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Quyết định hành chính gồm: Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc số 4009/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T, Quyết định về việc kiểm đếm bắt buộc số 3693/QĐ- UBND ngày 16/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thông báo thu hồi đất số 823/TB-UBND ngày 10/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thông báo số 2077/TB-UBND ngày 30/8/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T về điều chỉnh nội dung một phần căn cứ pháp lý của Thông báo số 823/TB-UBND ngày 10/4/2018 của UBND thành phố T, khởi kiện hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố T. Tuy Hòa tổ chức kiểm đếm bắt buộc khi chưa công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại địa chỉ 10/4 P, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2016/DSPT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ngày 21/3/2016.

[2] Xét kháng cáo của bà Trần Thị H:

[2.1] Xem xét về thủ tục thu hồi đất: Dự án đường B giai đoạn 2 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và thuộc trường hợp phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật đất đai năm 2013. Đồng thời dự án này nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của UBND thành phố T đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (*Tại Nghị quyết thu hồi đất số 91/NQ-HĐND ngày 19/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên và Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2018 thành phố T*). Do đó, UBND thành phố T căn cứ

Điều 63 của Luật đất đai, thu hồi đất vì mục đích phát triển kinh tế - xã hội, vì lợi ích quốc gia để ban hành Thông báo thu hồi đất số 823 là đúng thẩm quyền và thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật Đất đai 2013 *“Trước khi có quyết định thu hồi đất, chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp, cơ quan có thẩm quyền phải thông báo thu hồi đất cho người có đất thu hồi biết...”*.

UBND phường 1, thành phố T đã mời bà Trần Thị H đến Ủy ban phường ngày 02/7/2018 để giao thông báo thu hồi đất nhưng bà H không nhận, bà H có biết được nội dung thông báo thu hồi đất. Ủy ban nhân dân phường 1 đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo thu hồi đất số 823 theo đúng quy định của Luật đất đai.

Đối với Thông báo số 2077/TB-UBND ngày 30/8/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T điều chỉnh nội dung một phần căn cứ pháp lý của Thông báo số 823/TB-UBND ngày 10/4/2018 của UBND thành phố T. Cụ thể điều chỉnh *“Căn cứ Quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 của ủy ban nhân dân thành phố T về việc phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án: Đường Bạch đằng giai đoạn 2”* thành *“Căn cứ Quyết định số 10/QĐ- UBND ngày 09/6/2017 của Hội đồng nhân dân thành phố T về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Đường B giai đoạn 2”*. Việc điều chỉnh này không gây ảnh hưởng đến nội dung thông báo thu hồi đất số 823. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy Thông báo số 2077/TB-UBND ngày 30/8/2019 là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo về Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc số 4009/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 và Quyết định về việc kiểm đếm bắt buộc số 3693/QĐ-UBND ngày 16/8/2018:

Ngày 10/4/2018 UBND thành phố T ban hành Thông báo số 823/TB-UBND về việc thu hồi đất; ngày 08/5/2019 UBND thành phố T đã ban hành Thông báo số 835/TB-UBND về việc điều chỉnh nội dung khoản 1 Thông báo số 823/TB-UBND ngày 10/4/2018 của UBND thành phố T. UBND Phường 1 đã họp phổ biến đến người dân có đất bị thu hồi và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; đồng thời niêm yết tại UBND phường 1 và Khu sinh hoạt của khu dân cư.

Ngày 13/7/2018 UBND Thành phố T và UBND phường 1 cùng các Đoàn thể đã tổ chức vận động và thuyết phục nhưng bà H không chấp nhận.; đến ngày 16/8/2018 (*hơn 32 ngày*) Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 3693/QĐ- UBND về việc kiểm đếm bắt buộc đối với hộ bà Trần Thị H trúng giải tỏa dự án Đường B giai đoạn 2. Ngày 21/8/2018 UBND phường 1 và các Đoàn thể đã tổ chức vận động và thuyết phục nhưng bà H vẫn không chấp hành.

Do đó Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4009/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc là có căn cứ đúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 69, Điều 70 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, không chấp nhận yêu cầu hủy các quyết định này là có cơ sở.

[2.3] Xem xét yêu cầu chấm dứt tổ chức kiểm đếm bắt buộc vì chưa công nhận quyền sử dụng đất: Việc công nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị H tại địa chỉ 10/4 P, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên theo Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2016/DSPT ngày 21/3/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã được giải quyết bằng các vụ án khác tại Bản án hành chính phúc thẩm số 192/2018/HC-PT ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã bác yêu cầu khởi kiện của bà H về “ *khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Việc không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H là do có Thông báo thu hồi đất, tuy nhiên việc thu hồi đất và quá trình giải tỏa đền bù đều xác định người có đất bị thu hồi là bà Võ Thị H. Như vậy các cơ quan có thẩm quyền của Thành phố T khi tiến hành việc thu hồi đất đều xác định chủ thể có đất thu hồi là bà Trần Thị H nên đã đảm bảo quyền lợi của chủ đất. Do việc thu hồi đất là đúng pháp luật, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội chung, nên dự án phải được thực hiện kịp thời, đúng tiến độ; nhưng người có đất bị thu hồi không phối hợp nên cần phải tổ chức kiểm đếm bắt buộc để thực hiện các thủ tục giải tỏa, bồi thường theo quy định.

[3] Bản án hành chính sơ thẩm đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện không có chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Kháng cáo của Người khởi kiện không được chấp nhận, người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 của Luật tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của bà Trần Thị H và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC- ST ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính;

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 4009/QĐ-UBND ngày 10/9/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc; hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố T tổ chức kiểm đếm bắt buộc khi chưa công nhận quyền sử dụng đất tại địa chỉ 10/4 P, phường 1, T, Phú Yên theo Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2016/DSPT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ngày 21/3/2016; yêu cầu hủy Quyết định số 3693/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc kiểm đếm bắt buộc; yêu cầu hủy Thông báo số 823/TB-UBND ngày 10/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Đường B giai đoạn 2; yêu cầu hủy Thông báo số 2077/TB-UBND ngày 30/8/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố T về điều chỉnh nội dung một phần căn cứ pháp lý của Thông báo số 823/TB-UBND ngày 10/4/2018 của UBND thành phố T.

3. Án phí hành chính phúc thẩm bà H phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000309 ngày 17-01-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên. Bà H đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Vụ III-TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long